

Số: /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 5368/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản cát, sỏi làm VLXD tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 4343/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã phê duyệt trước ngày 01/01/2019;

Căn cứ Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Xét Đơn đề ngày 18/01/2021 (kèm theo hồ sơ) của Tổng Công ty CP Hợp Lực đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại 03 điểm mỏ cát trên sông Âm và sông Chu, đoạn qua xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân và xã Phùng Minh, xã Phúc Thịnh, huyện Ngọc Lặc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 398 /TTr-STNMT ngày 28 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Tổng Công ty CP Hợp Lực (Mã số thuế: 2801178302, địa chỉ: 595 Nguyễn Chí Thanh, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) được thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại 03 điểm mỏ cát trên sông Âm và sông Chu, đoạn qua xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân và xã Phùng Minh, xã Phúc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

- Diện tích thăm dò là 8.995 m² gồm 03 điểm mỏ:

+ Điểm mỏ 1 thuộc xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân có diện tích 2.995 m² được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 6 (có tọa độ được xác định theo Phụ lục 01 và Bản đồ khu vực thăm dò kèm theo);

+ Điểm mỏ 2 thuộc xã Phúc Thịnh, huyện Ngọc Lặc có diện tích 3.000 m² được giới hạn bởi các điểm góc từ 7 đến 12 (có tọa độ được xác định theo Phụ lục 01 và Bản đồ khu vực thăm dò kèm theo);

+ Điểm mỏ 3 thuộc xã Phùng Minh, huyện Ngọc Lặc có diện tích 3.000 m² được giới hạn bởi các điểm góc từ 13 đến 16 (có tọa độ được xác định theo Phụ lục 01 và Bản đồ khu vực thăm dò kèm theo).

- Thời hạn thăm dò: 24 tháng, kể từ ngày ký giấy phép;

- Khối lượng thăm dò: Theo đề án được chấp thuận;

- Chi phí thăm dò: 249.712.000 đồng bằng nguồn vốn của đơn vị (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước).

Điều 2. Tổng Công ty CP Hợp Lực có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Lựa chọn tổ chức có năng lực tiến hành thi công công tác thăm dò theo quy định tại Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên môi trường và Thông tư số 17/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về điều kiện của tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản. Thực hiện thăm dò cát làm vật liệu xây dựng thông thường theo phương pháp và khối lượng đã quy định tại Điều 1 của Giấy phép, Đề án đã được UBND tỉnh chấp thuận này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường; thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Thông báo kế hoạch, thời gian triển khai thi công các hạng mục công tác thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa; chịu sự kiểm tra, giám sát quá trình thi công hệ phương pháp kỹ thuật và các hạng mục công việc của Đề án của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa.

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng cát cho mục đích sử dụng. Trước khi tiến hành lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

6. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản của UBND tỉnh Thanh Hóa; nộp báo cáo vào lưu trữ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Hoạt động thăm dò khoáng sản theo giấy phép này, Tổng Công ty CP Hợp Lực chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Thọ Xuân;
- UBND huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã Xuân Bái;
- UBND xã Phùng Minh;
- UBND xã Phúc Thịnh;
- Tổng Công ty CP Hợp Lực;
- Lưu VT, CN_(T.m. 82).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TẠI
03 ĐIỂM MỎ CÁT TRÊN SÔNG ÂM VÀ SÔNG CHU, ĐOẠN QUA XÃ
XUÂN BÁI, HUYỆN THỌ XUÂN VÀ XÃ PHÙNG MINH, XÃ PHÚC
THỊNH, HUYỆN NGỌC LẶC**

(Kèm theo Giấy phép thăm dò số /GP-UBND
ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm mỏ	Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000	
		X (m)	Y (m)
Điểm mỏ 1 (xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân) 2.995 m ²	1	2203 785.00	538 880.00
	2	2203 844.00	538 906.00
	3	2203 875.00	538 965.00
	4	2203 856.00	538 977.00
	5	2203 827.00	538 926.00
	6	2203 775.00	538 903.00
Điểm mỏ 2 (xã Phúc Thịnh, huyện Ngọc Lặc) 3.000 m ²	7	2203 795.82	538 103.78
	8	2203 821.31	538 113.38
	9	2203 802.95	538 167.89
	10	2203 768.10	538 213.40
	11	2203 748.86	538 194.28
	12	2203 777.38	538 155.56
Điểm mỏ 3 (xã Phùng Minh, huyện Ngọc Lặc) 3.000 m ²	13	2206 583.66	533 665.61
	14	2206 584.62	533 691.77
	15	2206 471.45	533 700.11
	16	2206 470.19	533 673.47
Diện tích thăm dò S = 8.995 m²			